

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT MỎ  
VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2020

Số: **43** / MICCO – KTNB-TTr  
V/v công khai thông tin của Tổng Công ty

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;
- Tạp chí Than – Khoáng sản Việt Nam.

Căn cứ:

- Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước;

- Quyết định số 897/QĐ-TKV ngày 29/4/2016 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Quyết định số 934/QĐ-TKV ngày 6/5/2016 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phân công trách nhiệm công bố thông tin hoạt động của TKV;

- Quyết định số 3614/QĐ – HĐTV ngày 30/ 12/ 2016 của Hội đồng thành viên về việc ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động của Tổng Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin;

- Quyết định 3630/QĐ-MICCO ngày 30/12/2016 của Tổng giám đốc về việc phân công trách nhiệm công bố thông tin hoạt động tại Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin.

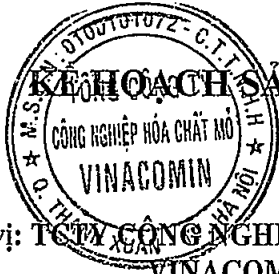
Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN về việc công khai thông tin - Kế hoạch SXKD và Đầu tư phát triển năm 2020 – Phụ lục III kèm theo.

Tổng công ty trân trọng báo cáo./. *M*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐTV (e-copy);
- P.KHĐH, P.CĐVT (e-copy, để công bố trên website);
- Lưu: KTNB-TTr, VT.

  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY  
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ  
VINACOMIN  
0. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI  
Nguyễn Văn Sáng



## PHỤ LỤC III

# KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

Đơn vị: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ**  
**VINACOMIN**  
MST: 0100101072

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 8 tháng 1 năm 2020

(Kế hoạch SXKD và ĐTPT năm 2020 đã được Hội đồng thành viên phê duyệt tại QĐ số 3278/QĐ-HĐTV ngày 31/12/2019 và QĐ số 11/QĐ-HĐTV ngày 06/01/2020)

### **I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm trước.**

(Số liệu trong Biểu kèm theo)

### **II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2020.**

(Số liệu trong Biểu kèm theo)

### **III. Các giải pháp thực hiện.**

#### **1. Giải pháp về tài chính.**

- Cân đối đủ vốn cho sản xuất kinh doanh; đảm bảo mức dư tiền gửi, tiền vay hợp lý. Thực hiện vay vốn với các gói lãi suất ưu đãi (thấp hơn lãi suất bình quân trên thị trường từ 1% - 1,5%/năm) tiết kiệm tối đa lãi vay ngân hàng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Đối với công tác kinh doanh ngoài VLNCN: Yêu cầu các đơn vị hạch toán đúng, xác định rõ các ngành nghề, mặt hàng, dịch vụ đem lại hiệu quả, ít rủi ro để phát huy, không phát triển những mặt hàng không hiệu quả, lưu ý các rủi ro.

#### **2. Giải pháp về sản xuất.**

- Trên cơ sở dự báo và phân tích thị trường, các đơn vị trong toàn Tổng công ty đã nắm bắt nhu cầu của khách hàng, chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD; Tổ chức sản xuất hợp lý ngay từ tháng đầu, quý đầu năm, linh hoạt trong điều hành sản xuất; Cân đối điều động hàng hóa, nguyên liệu, đảm bảo hài hòa giữa hàng mua/hàng bán với khách hàng theo kế hoạch đã đề ra.

- Tăng cường cơ giới hóa trong công tác nổ mìn theo chỉ đạo của Tập đoàn, góp phần giảm giá vốn trong công tác nổ mìn, giảm bớt sức lao động cho người lao động, TCSX nhịp nhàng, linh hoạt, an toàn, thuận tiện.

#### **3. Giải pháp về marketing.**

- Tập trung cao công tác ổn định thị trường nội địa.

- Chủ động tìm hiểu thị trường Quốc tế, dự báo sát diễn biến tăng, giảm giá, tỷ giá ngoại tệ... Trong trường hợp xu thế giá tăng cần thương lượng bổ sung các hợp đồng, đặt trước để giữ giá; Nghiên cứu thị trường Amoniac (NH<sub>3</sub>), xút (NaOH) trong nước và quốc tế để có kế hoạch đầu tư phù hợp.

#### **4. Giải pháp về nguồn nhân lực.**

- Rà soát cân đối nhân lực hiện có và nhu cầu nhân lực, bổ sung quy hoạch cán bộ đơn vị giai đoạn đến năm 2020, 2025.

- Bồi dưỡng cán bộ nữ trong Tổng công ty theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương và cấp trên vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Tuyển dụng, đào tạo mới, đào tạo bổ sung, hợp tác với những đơn vị, viên nghiên cứu, trường đại học có kinh nghiệm trong lĩnh vực mà TCT cần, thuê chuyên gia, lao động chất xám... kết hợp với các cơ chế về tiền lương, chế độ khuyến khích nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật

#### **5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.**

- Tích cực triển khai các đề tài NCKH. Trong đó: (1) Hoàn thiện đủ điều kiện sản xuất thương mại thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao (HPEX-01) và thuốc nổ nhũ tương an toàn hầm lò P5 (NLT-5); (2) Đề tài Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và sản xuất bình tự cứu độc lập cách ly theo đúng tiến độ; (3) Xây dựng, trình HĐ KH-CN Tập đoàn phê duyệt đề tài Nghiên cứu sản xuất chất hoạt động bề mặt dùng làm nguyên liệu trong sản xuất thuốc nổ nhũ tương rời; (4) Nghiên cứu, đa dạng hóa nguyên liệu sản xuất thuốc nổ NTHL1, NTHL2;

- Công tác công nghệ thông tin: (1) Tích cực triển khai Chương trình cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa đến năm 2025, tầm nhìn 2030; (2) Phối hợp với trường QTKD – là cơ quan được TKV giao nhiệm vụ phát triển CNTT trong TKV để các chương trình trình ứng dụng tương thích với toàn Tập đoàn; (3) Tiếp tục các chương trình bảo mật thông tin, tồn kho, quản lý tài sản, diễn đàn kỹ thuật mở, quản lý VLNCN; (4) Nâng cấp Website Tổng công ty;

#### **6. Giải pháp về quản lý điều hành.**

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê, báo cáo số liệu sản xuất kinh doanh online hàng ngày góp phần giảm lao động phục vụ, tăng năng suất lao động, đảm bảo số liệu logic, nhanh chóng thuận tiện;

- Xây dựng và phát triển hệ sinh thái dịch vụ khai thác mỏ nhằm phát huy tiềm năng, nâng cao giá trị gia tăng, lợi thế cạnh tranh thúc đẩy giữ vững và mở rộng thị trường, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện mục tiêu phát triển dịch vụ khai thác mỏ của từng đơn vị, đánh giá so sánh với mục tiêu TCT giao.





**BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
NĂM 2020**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020
<b>1</b>	<b>Các sản phẩm chủ yếu</b>			
1.1	Tiêu thụ thuốc nổ	Tấn	117.000	112.000
1.2	Sản xuất thuốc nổ	Tấn	79.000	68.500
	- ANFO	"	62.650	50.614
	- Nhũ tương hầm lò	"	6.380	6.525
	- Nhũ tương rời	"	9.970	11.361
1.3	Amon Nitrat			
a	- Sản xuất	Tấn	160.000	155.000
b	- Tiêu thụ	Tấn	159.000	155.000
	+ Xuất khẩu	"	68.000	73.000
	+ Trong nước	"	91.000	82.000
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Trđ</b>	<b>6.300.000</b>	<b>6.101.000</b>
2.1	Sản xuất, tiêu thụ VLN & DVNM	"	5.350.000	4.966.000
2.2	Sản xuất kinh doanh khác	"	950.000	1.135.000
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận tổng số</b>	<b>Trđ</b>	<b>160.000</b>	<b>180.000</b>
<b>4</b>	<b>Lao động, thu nhập, đơn giá tiền lương</b>			
4.1	Lao động định mức	Người	3.812	3.809
4.3	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	12.500	12.361
<b>5</b>	<b>Tổng vốn đầu tư</b>	<b>Trđ</b>	<b>5.670</b>	<b>28.080</b>